

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Q
TỈNH HÀ GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2018/HS-ST
Ngày 27 - 6 - 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Q, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Thuận

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Hầu Thị Ngọc

Bà Viên Thị Mai Lan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Lan Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Ông Dương Đức Thiên - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 05/2018/TLST-HS ngày 23 tháng 5 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2018/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 6 năm 2018 đối với bị cáo:

GIÀNG MÌN S, sinh ngày 25 tháng 10 năm 1998 tại huyện Q, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Thôn S, xã T, huyện Q, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 1/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Giàng Seo S và bà Vàng Thị C; vợ, con chưa có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: tốt; bị bắt tạm giam ngày 22/12/2017, hiện nay đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Q. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Ngô Trung K và ông Cao Xuân H, Luật sư Văn phòng luật sư G thuộc Đoàn luật sư tỉnh Hà Giang bào chữa cho Giàng Mìn S. Có mặt

- Bị hại: Cháu Hạng Thị L, sinh ngày 01 tháng 11 năm 2002; nơi cư trú: Thôn P, xã T, huyện V, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

- Người đại diện hợp pháp của bị hại: Bà Giàng Thi P, sinh năm 1971; nơi cư trú: Thôn P, xã T, huyện V, tỉnh Hà Giang. Có mặt

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại:* Bà Nguyễn Thị Thanh H, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hà Giang. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Ông Giàng Seo S, sinh năm 1972; nơi cư trú: Thôn S, xã T, huyện Q, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

- *Người tham gia tố tụng khác:*

Người làm chứng:

1. Ông Vàng Hồ S, sinh năm 1957; Nơi cư trú: Thôn S, xã T, huyện Q, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

2. Anh Giàng Seo M, sinh năm 1988; Nơi cư trú: Thôn T, xã M, huyện V, tỉnh Hà Giang. Có mặt

Người phiên dịch tiếng mông: Bà Vương Thị H; nơi cư trú: Tổ 2, thị trấn T, huyện Q, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 9 năm 2016, Giàng Mìn S đến nhà chị Sùng Thị S ở cùng thôn hỏi xem có ai chưa lấy chồng thì giới thiệu cho S làm quen, chị S đưa cho S số điện thoại của Hạng Thị L trú tại thôn P, xã T, huyện V, tỉnh Hà Giang. Sau đó, S và L thường xuyên gọi điện cho nhau nói chuyện và nhận lời yêu đương với nhau qua điện thoại. Đến đầu tháng 10 năm 2016, S đến chơi nhà Thảo Bình M ở gần nhà của L, S gọi điện thoại cho L hỏi L có ở nhà không thì L trả lời là có, S đi xe máy một mình đến nhà L, rồi gặp L ở dọc đường, S đèo L về nhà L, S và L ngồi nói chuyện với nhau khoảng 30 phút trong nhà L thì S quay về nhà Thảo Bình M ngủ qua đêm, đến sáng hôm sau thì S đi về nhà.

Đến ngày 14/10/2016, S gọi điện thoại cho L hẹn tối S xuống nhà L chơi, L đồng ý, S rủ Giàng Chấn S ở cùng thôn cùng đi xuống nhà L chơi. S và S đi đến nhà L và ngủ lại qua đêm ở nhà L. Sáng ngày 15/10/2016, S xin phép bố mẹ của L là ông Hạng Sào L và bà Giàng Thị P để đưa L về thăm nhà S, bố mẹ của L đồng ý rồi S chở L bằng xe máy lên nhà S. Khi về đến nhà thì có bố mẹ của S là ông Giàng Seo S và bà Vàng Thị C ở nhà, S có nói với L là sẽ lấy L làm vợ nhưng L không đồng ý vì L vẫn còn đang đi học. L ở nhà S chơi đến khoảng 22 giờ cùng ngày thì L và S ngủ với nhau qua đêm tại giường ở gian bếp nhà S, S đòi L cho quan hệ tình dục nhưng L không đồng ý, L nói với S khi nào có lễ ăn hỏi L thì L mới cho S quan hệ tình dục. Ngày 16/10/2016, bố mẹ của S ông S và bà C hỏi L có đồng ý lấy S làm chồng không thì L đồng ý. Tối ngày 16/10/2016, L vẫn ngủ cùng S tại giường ở gian bếp nhà S, S tiếp tục đòi L cho quan hệ tình dục nhưng L

không đồng ý. Đến ngày 17/10/2016, bố mẹ S nhờ anh Giàng Seo M trú tại thôn T, xã M, huyện V, tỉnh Hà Giang đi xuống nhà bố mẹ đẻ của L thông báo là S và L đã đồng ý lấy nhau làm vợ chồng, bố mẹ của L đồng ý và đưa ra yêu cầu ngày 18/10/2016 gia đình S phải có mặt tại nhà L để làm lễ ăn hỏi theo phong tục tập quán của địa phương. Anh M đồng ý rồi quay về thông báo cho bố mẹ S biết để chuẩn bị lễ đi ăn hỏi. Tối ngày 17/10/2016, S và L ngủ cùng nhau tại giường ở gian bếp nhà S, S đòi L cho quan hệ tình dục, L đồng ý, S dùng tay cởi quần và áo của L, sau đó S cởi quần áo của S, L nằm ngửa, S cầm dương vật đang cương cứng đưa vào âm đạo của L và quan hệ tình dục với L, S xuất tinh vào trong âm đạo của L, sau đó S và L tiếp tục quan hệ tình dục với nhau thêm hai lần nữa rồi cả hai cùng đi ngủ. S ngày 18/10/2016, gia đình S tổ chức đi xuống nhà L để làm lễ ăn hỏi, đoàn đi ăn hỏi có anh Giàng Seo M, anh Sùng Thìn G, trú tại thôn T, xã M, huyện V, tỉnh Hà Giang; Giàng Mìn S và Hạng Thị L; mang theo lễ ăn hỏi gồm: 14kg thịt gà, 10 kg thịt lợn, 14 lít rượu, tiền mặt: 1.600.000đ (*Một triệu sáu trăm nghìn đồng*) đến nhà L tại thôn P, xã T, huyện V, tỉnh Hà Giang. Tại lễ ăn hỏi bố mẹ của L ông L và bà P đồng ý cho L lấy S làm chồng và cho về ở nhà S tại thôn S, xã T, huyện Q, tỉnh Hà Giang. Sau đó, từ ngày 18/10/2016, L và S đều ngủ cùng nhau tại gian bếp nhà S và quan hệ tình dục với nhau từ một đến hai lần trên ngày. Đến ngày 12/11/2016, Ủy ban nhân dân xã T, huyện Q, tỉnh Hà Giang đến gia đình Giàng Mìn S để tuyên truyền, vận động để hai bên gia đình không tổ chức lễ cưới vì Hạng Thị L chưa đủ tuổi kết hôn và yêu cầu L quay về nhà bố mẹ của L ở xã T, huyện V, tỉnh Hà Giang, chờ khi L đủ tuổi kết hôn thì hai bên gia đình sẽ tổ chức lễ cưới. Tuy nhiên, L vẫn ở lại nhà S và chung sống với S như vợ chồng và tiếp tục quan hệ tình dục với nhau mỗi ngày từ một đến hai lần đến ngày 23/12/2016.

Ngày 24/12/2016, do mâu thuẫn trong sinh hoạt hàng ngày với Giàng Mìn S nên Hạng Thị L đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại thôn P, xã T, huyện V, tỉnh Hà Giang và biết mình đang mang thai với Giàng Mìn S, biết S có ý định đi lấy người khác làm vợ, không quan tâm gì đến mình. Đến ngày 19/4/2017, L gửi đơn tố giác Giàng Mìn S về hành vi giao cấu với L đến Công an xã T, huyện V, tỉnh Hà Giang. Ngày 09/5/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V đã chuyển đơn tố giác của Hạng Thị L cùng toàn bộ tài liệu liên quan đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Q để giải quyết theo thẩm quyền.

Ngày 08/6/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Q tiến hành xác định lại hiện trường, hiện trường được xác định tại gian phòng bếp của nhà ông Giàng Seo S thuộc thôn S, xã T, huyện Q, tỉnh Hà Giang .

Ngày 05/6/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Q đã ra Quyết định trưng cầu giám định số: 17/QĐ trưng cầu giám định pháp y về tình dục đối với Hạng Thị L. Tại Bản kết luận giám định pháp y về tình dục số: 14/TD ngày

08/6/2017 của Trung tâm pháp y tỉnh Hà Giang kết luận: Tại thời điểm giám định (ngày 05/6/2017):

- Bộ phận sinh dục: Màng trinh rách cũ vị trí 8 giờ, không thấy tổn thương mới.

- Xét nghiệm máu: HIV, HCV, HBsAg: Âm tính.

- Siêu âm thai: Hiện tại có 01 thai tương ứng 32 tuần 01 ngày.

- Ngoài ra các bộ phận khác không thấy tổn thương.

Ngày 01/11/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Q đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 45/QĐ trưng cầu giám định độ tuổi của Hạng Thị L. Tại Bản kết luận giám định pháp y về độ tuổi số: 5562/C54-TT1 ngày 14/12/2017 của Viện khoa học hình sự Bộ công an kết luận:

Căn cứ vào mức độ phát triển thể chất cơ thể Hạng Thị L; sự phát triển của các xương của tay, chân và khung chậu; mức độ hàn các đầu xương vào thân xương của các xương tay và chân, đánh giá độ tuổi của Hạng Thị L tại thời điểm giám định (ngày 01/11/2017) là: từ 14 năm 6 tháng đến 15 năm.

Do vậy, căn cứ Bản kết luận giám định pháp y về độ tuổi số 5562/C54-TT1 xác định được ngày tháng năm sinh của Hạng Thị L là ngày 01/11/2002.

Ngày 21/7/2017, bị hại Hạng Thị L sinh được 01 cháu trai và đặt tên là Hạng Thìn N.

Ngày 01/11/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Q đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 46/QĐ trưng cầu giám định AND giữa cháu bé do Hạng Thị L sinh ra với Giàng Mìn S và Sùng Seo V (*Người chung sống với Hạng Thị L từ tháng 4 năm 2017*).

Tại bản Kết luận giám định số: 5531/C54C(TT3) ngày 15/12/2017 của Viện Khoa học hình sự kết luận:

- Cháu bé do Hạng Thị L sinh ra có quan hệ huyết thống con đẻ - mẹ đẻ với Hạng Thị L.

- Cháu bé do Hạng Thị L sinh ra có quan hệ huyết thống con đẻ - bố đẻ với Giàng Mìn S với xác suất 99,9999%” .

- Cháu bé do Hạng Thị L sinh ra không có quan hệ huyết thống con đẻ - bố đẻ với Sùng Seo V.

Tại Biên bản xác minh ngày 05/4/2018 tại Trung tâm giám định pháp y tỉnh Hà Giang xác định: Thời điểm Hạng Thị L thụ tinh có thai vào khoảng tháng 11 năm 2016.

Bị cáo Giàng Mìn S sinh ngày 25/10/1998, tại thời điểm thực hiện hành vi giao cấu với Hạng Thị L từ ngày 17/10/2016 đến ngày 24/10/2016, bị cáo chưa đủ 18 tuổi. Tuy nhiên từ ngày 25/10/2016 đến ngày 23/12/2016, bị cáo đã đủ 18 tuổi

và bị cáo tiếp tục thực hiện hành vi giao cấu với bị hại từ một đến hai lần trên ngày.

Quá trình điều tra, người bị hại là Hạng Thị L khai báo về hành vi của bị cáo S nhiều lần quan hệ tình dục với Hạng Thị L. Trong các lần quan hệ tình dục đó, Hạng Thị L đều tự nguyện, và không dùng biện pháp phòng ngừa thai. Lời khai của người bị hại trùng hợp lời khai của bị cáo về thời gian, địa điểm và số lần quan hệ tình dục.

Qua giám định, tại bản Kết luận giám định số: 5531/C54C(TT3) ngày 15/12/2017 của Viện Khoa học hình sự kết luận: Hạng Thìn N là con đẻ của Hạng Thị L và Giàng Mìn S với xác suất 99,9999%.

Cáo trạng số: 05/CTr-VKS, ngày 23/5/2018 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Q truy tố Giàng Mìn S về tội “ Giao cấu với trẻ em ” theo các Điểm a, d Khoản 2 Điều 115 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa: Bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu, chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại cho bị hại L do bị tổn thất về tinh thần và chi phí cho việc nuôi con đến khi đủ 18 tuổi với số tiền 30.000.000 đồng như bị hại đã yêu cầu. Tại cơ quan điều tra bị cáo đã tác động gia đình bố bị cáo đã bồi thường hai lần với tổng số tiền đã bồi thường là 26.280.000 đồng, số tiền còn lại 3.720.000 đồng bị cáo sẽ tiếp tục bồi thường cho bị hại Hạng Thị L.

Người bị hại là Hạng Thị L và người đại diện hợp pháp của bị hại là bà Giàng Thị P tại phiên tòa đều khai thống nhất với lời khai của bị hại đã khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị cáo. Hạng Thị L và bà Giàng Thị P yêu cầu bị cáo S phải bồi thường thiệt hại do bị tổn thất về tinh thần và chi phí cho việc nuôi con Hạng Thìn N đến khi đủ 18 tuổi với tổng số tiền 30.000.000 đồng cho Hạng Thị L. Và xác nhận gia đình bị cáo S ông Giàng Seo S tại cơ quan điều tra và giai đoạn xét xử đã bồi thường hai lần với tổng số tiền là 26.280.000 đồng. Còn lại 3.720.000 đồng đề nghị HĐXX buộc bị cáo S tiếp tục bồi thường.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Giàng Seo S xác nhận sau khi sự việc xảy ra ông đã tự nguyện bồi thường hai lần với số tiền là 26.280.000 đồng cho bị Hại L thay cho bị cáo S, còn lại 3.720.000 đồng bị cáo S có trách nhiệm. Ông không đề nghị bị cáo S trả lại số tiền này cho ông.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố Giàng Mìn S phạm tội “ Giao cấu với trẻ em ”; áp dụng các Điểm: a, d khoản 2 Điều 115; Điểm b, p Khoản 1 và Khoản 2 Điều 46; của BLHS năm 1999, xử phạt Giàng Mìn S: Từ 36 tháng tù đến 38 tháng tù.

Về dân sự: áp dụng Điều 584; 585; 592 Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo Giàng Mìn S phải bồi thường số tiền bù đắp tổn thất về tinh thần cho người bị hại và chi phí cho việc nuôi con theo sự thỏa thuận của bị cáo với người bị hại số tiền là 30.000.000 đồng trừ đi số tiền gia đình bị cáo đã bồi thường tại cơ quan điều tra và giai đoạn xét xử bồi thường thêm, với tổng số tiền đã bồi thường là 26.280.000 đồng, còn lại 3.720.000 đồng buộc bị cáo tiếp tục bồi thường.

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Người bào chữa cho bị cáo đề nghị xem xét áp dụng điểm a, d khoản 2 Điều 115; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 68; 69; khoản 1 Điều 74 BLHS năm 1999. Khi thực hiện giao cấu với bị hại L bị cáo chưa đủ 18 tuổi, gia đình đã bồi thường thiệt hại, bị cáo là người dân tộc thiểu số, am hiểu pháp luật còn hạn chế, tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải đề nghị xử phạt bị cáo từ 24 đến 30 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo nhất trí bồi thường theo yêu cầu của người bị hại, đề nghị HĐXX công nhận sự thỏa thuận việc bồi thường giữa bị cáo và bị hại.

Người bảo vệ quyền lợi cho bị hại nhất trí với quan điểm của viện kiểm sát đề nghị, không nhất trí quan điểm luật sư đề nghị áp dụng Điều 68, 69, 74. Đề nghị xử phạt bị cáo 36 tháng đến 38 tháng tù để nhằm giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung. Về bồi thường thiệt hại số tiền 30.000.000 đồng bị hại yêu cầu bị cáo phải bồi thường, tại cơ quan điều tra và giai đoạn xét xử gia đình đã tự nguyện bồi thường với tổng số tiền là 26.280.000 đồng. Còn lại số tiền 3.720.000 đồng yêu cầu bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho bị hại Hạng Thị L đề nghị HĐXX công nhận.

Bị cáo S, bị hại L, người đại diện hợp pháp của bị hại nhất trí với lời bào chữa của người bào chữa, người bảo vệ quyền lợi cho mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Những chứng cứ xác định có tội: Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Giàng Mìn S khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo đã khai tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện:

Do có quan hệ tình cảm yêu đương nên từ ngày 25/10/2016 đến ngày 23/12/2016, Giàng Mìn S đã có hành vi quan hệ tình dục nhiều lần với Hạng Thị L sinh ngày 01/11/2002, mỗi ngày Sáng và L quan hệ tình dục với nhau từ một đến

hai lần tại nhà của Sáng dẫn đến L có thai và đã sinh con Hạng Thìn N vào ngày 21/7/2017. Đến ngày 24/12/2016, do mâu thuẫn trong sinh hoạt gia đình nên L bỏ về nhà bố mẹ đẻ của L thuộc thôn P, xã T, huyện V, tỉnh Hà Giang.

Ngày 22/12/2017, Giàng Mìn S bị bắt tạm giam. Tại thời điểm bị cáo S thực hiện hành vi quan hệ tình dục với chị Hạng Thị L vào ngày 17/10/2016 đến ngày 24/10/2016, thì bị cáo chưa đủ 18 tuổi, tuy nhiên từ ngày 25/10/2016 đến ngày 23/12/2016, thì bị cáo Giàng Mìn S đã đủ 18 tuổi nhưng người bị hại là Hạng Thị L mới đủ 13 tuổi 11 tháng 24 ngày; các lần quan hệ tình dục ở buồng ngủ tại nhà bếp nhà của bị cáo được bố mẹ làm cho thì lúc đó L chưa đủ 16 tuổi. Tất cả những lần quan hệ tình dục với bị cáo S, người bị hại là Hạng Thị L đều hoàn toàn tự nguyện. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến sức khỏe và sự phát triển bình thường về mặt tình dục đối với người bị hại là Hạng Thị L. Do đó, có đủ cơ sở tuyên bố bị cáo Giàng Mìn S phạm tội “Giao cấu với trẻ em” theo Điều 115 của BLHS năm 1999. Tại điểm a, d khoản 2 Điều 115 của BLHS năm 1999 quy định:

1. *Người nào đã thành niên mà giao cấu với trẻ em từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi, thì bị phạt tù từ một năm đến năm năm.*

2. *Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ ba năm đến mười năm:*

a) *Phạm tội nhiều lần;*

.....

d) *Làm nạn nhân có thai;*

[2] Quan điểm truy tố của Viện Kiểm sát tại phiên tòa hôm nay là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử: Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa cho bị cáo, người bảo vệ quyền lợi cho bị hại trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử đều hợp pháp.

[4] Các tình tiết liên quan trong vụ án và quyết định hình phạt: Tình tiết định khung tăng nặng: Bị cáo đã nhiều lần quan hệ tình dục với Hạng Thị L, đã làm cho người bị hại có thai nên hành vi đó của bị cáo đã vi phạm tình tiết định khung tăng nặng ở các Điểm: a, d khoản 2 Điều 115 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

[5] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Giàng Mìn Sáng không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi hành vi phạm tội bị tố giác bị bắt, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã tác động gia đình bồi thường, khắc phục hậu quả cho bị hại, là

người dân tộc thiểu số sống ở vùng sâu vùng xa, trình độ văn hóa thấp, hiểu biết pháp luật còn hạn chế. Vì vậy bị cáo Sáng được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 của BLHS năm 1999.

Nguyên nhân phạm tội: Đối với bị cáo: Tuy đã đủ tuổi thành niên và có đầy đủ nhận thức năng lực hành vi, nhưng chỉ vì muốn lấy vợ nên bị cáo đã tự tìm hiểu yêu đương rồi đón bị hại về nhà mình tổ chức ăn hỏi theo phong tục tập quán địa phương, mặc dù bị cáo biết bị hại chưa đủ tuổi kết hôn theo quy định của pháp luật, trong thời gian đón bị hại L về ở cùng gia đình bị cáo đã sống chung với bị hại L như vợ chồng ăn ngủ cùng nhau, giao cấu nhiều lần trong thời gian từ ngày 25/10/2016 đến ngày 23/12/2016. Và được bố mẹ hai bên gia đình đồng ý, bị cáo đã bất chấp các quy định của pháp luật, để rồi giao cấu nhiều lần với Hạng Thị L khi bị hại trên 13 tuổi nhưng chưa đủ 16 tuổi. Rồi dẫn đến Hạng Thị L có thai và sinh con.

Đối với gia đình: Bố mẹ bị cáo S và bố mẹ của người bị hại khi phát hiện bị cáo và bị hại có quan hệ yêu đương với nhau, bị cáo S xin phép đưa bị hại L về làm vợ hai bên gia đình đã đồng ý rồi tổ chức lễ ăn hỏi theo phong tục tập quán địa phương mặc dù biết Hạng Thị L chưa đủ tuổi kết hôn là vi phạm pháp luật, được chính quyền địa phương đến tuyên truyền không được chung sống với nhau nhưng hai gia đình, bị cáo bị hại vẫn tiếp tục cho bị hại L ở lại, chung sống ăn ngủ với bị cáo như vợ chồng. Sau khi phát hiện Hạng Thị L có thai, rồi mâu thuẫn với bị cáo S bỏ về nhà, bị cáo S không lấy nữa, thì gia đình bị hại L mới tố giác. Đây là nguyên nhân dẫn đến bị cáo thực hiện phạm tội nhiều lần.

[6] Về hình phạt: Xét tính chất hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, vì đã “ Phạm tội nhiều lần ” và đã để lại hậu quả “ Làm cho nạn nhân có thai ”. Tuy nhiên bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, người bào chữa cho bị cáo đề nghị áp dụng điều 68, 69, 74 BLHS năm 1999, xử phạt bị cáo từ 24 tháng đến 30 tháng tù là không có căn cứ. Hội đồng xét xử xét thấy mặc dù bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nhưng cần xử bị cáo ở mức khởi điểm của khung hình phạt và cách ly bị cáo một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, người bị hại là Hạng Thị L và người đại diện hợp pháp của người bị hại là bà Giàng Thị P yêu cầu bị cáo S phải bồi thường thiệt hại để bù đắp tổn thất về tinh thần và chi phí cho việc nuôi con Hạng Thìn N đến khi đủ 18 tuổi cho người bị hại là Hạng Thị L, với tổng số tiền 30.000.000 đồng. Tại cơ quan điều tra và giai đoạn xét xử bị cáo và gia đình (bố bị cáo) đã tự nguyện đồng ý bồi thường cho người bị hại là Hạng Thị L hai lần với số tiền 26.280.000 đồng. Đây là sự tự nguyện của bị cáo thống nhất với yêu cầu của người bị hại và đại diện bị hại. Sự thỏa thuận này của bị cáo

và người bị hại không trái pháp luật nên được chấp nhận, HĐXX xét thấy không cần xem xét lại. Còn lại số tiền 3.720.000 đồng bị hại yêu cầu tiếp tục bồi thường, bị cáo chưa bồi thường. Vì vậy, áp dụng Điều 584; 585; 592 của Bộ luật Dân sự năm 2015, buộc bị cáo phải bồi thường số tiền còn lại là 3.720.000 đồng cho Hạng Thị L.

[8] Về án phí: Buộc bị cáo Giàng Mìn S phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ có giá gach.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điểm a, d khoản 2 Điều 115; điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tuyên bố bị cáo Giàng Mìn S phạm tội “ Giao cấu với trẻ em”.

Xử phạt : Giàng Mìn S 36 (Ba mươi sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam, ngày 22/12/2017.

Về bồi thường dân sự: Căn cứ Điều 584; 585; 592 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Buộc bị cáo Giàng Mìn S phải bồi thường bù đắp tổn thất về tinh thần và chi phí nuôi con Hạng Thìn N đến khi đủ 18 tuổi cho người bị hại Hạng Thị L trú tại Thôn P, xã T, huyện V, tỉnh Hà Giang số tiền còn lại là 3.720.000 đồng (*Ba triệu đồng bảy trăm hai mươi nghìn đồng*).

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì phải chịu trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán..

Về án phí: Căn cứ Khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 6; điểm a, g khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Giàng Mìn S phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm ngàn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm có giá gach.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi

hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo: Căn cứ Điều 331; 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Bị cáo, bị hại và người đại diện hợp pháp của người bị hại, người bảo vệ quyền lợi của bị cáo, bị hại, người có quyền lợi liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKS huyện Q (2);
- Công an huyện Q (2);
- Chi cục THADS huyện Q;
- UBND xã T, huyện Q;
- Bị cáo; người bào chữa
- Bị hại, người ĐD, người BV của bị hại;
- Những người có QLNVLQ;
- Lưu hsva, hstha, vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Hoàng Văn Thuận